

Bản án số: 140/2024/KDTM-PT
Ngày: 31-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo

Bà Mai Thị Thanh Tú

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 31-5-2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLPT-KDTM ngày 16-01-2024 về tranh chấp “hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/KDTM-ST ngày 26-9-2023 của Toà án nhân dân Quận 10 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1580/2024/QĐ-PT ngày 26-3-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 5598/2024/QĐ-PT ngày 26-4-2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 7133/2024/QĐ-PT ngày 22-5-2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần CI

Địa chỉ trụ sở chính: 108 T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: F N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn Đ, bà Nguyễn Minh Nhật P, bà Huỳnh Thị Kim C, là những người đại diện theo ủy quyền (có mặt) (văn bản ủy quyền số 512/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 16-5-2024)

Bị đơn: Công ty TNHH D

Địa chỉ: Y đường H, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Ngọc S – Chủ tịch Hội đồng thành viên, là người đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: 207/32 Đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH I

Địa chỉ: B T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ H, sinh năm 1968; địa chỉ: E B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23-4-2024) (có mặt)

Người kháng cáo: Công ty TNHH I

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12-7-2023 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH D (sau đây gọi tắt là Công ty D) vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 – Chi nhánh 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 16.69.0105/2016-HĐTDHM/NHCT922-THIENSON ngày 01-6-2016.

- Số tiền vay: 50.000.000.000 (năm mươi tỷ) đồng.
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn duy trì hạn mức: Kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 20-5-2017.

Khoản vay của Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng tài sản sau:

- Tài sản 1: Toàn bộ được phẩm các loại và nguyên vật liệu liên quan thuộc sở hữu của Công ty D được giữ tại kho của khách hàng và của bên thứ ba được Công ty D gửi nhờ trong quá trình sản xuất kinh doanh; và Quyền tài sản (quyền đòi nợ, các quyền khác) của Công ty D đã và sẽ phát sinh trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp hàng hoá và quyền tài sản số 14.69.0062/HĐTC ngày 04-8-2014 giữa Ngân hàng C1 và Công ty D, đăng ký giao dịch đảm bảo số 1164764090 ngày 05-9-2014.

- Tài sản 2: Toàn bộ Quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty D đối với bên thứ ba có nghĩa vụ thanh toán với Công ty D là Công ty TNHH I (sau đây gọi tắt là Công ty I) phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty D (gồm (i) Tất cả các hợp đồng mua bán và các văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng này (nếu có) mà Công ty D đã ký với Công ty I; và/hoặc (ii) Các Hợp đồng (bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung) mà Công ty D sẽ ký với Công ty I sau thời điểm ký Hợp đồng này) theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 16.100.0112/HĐTC ngày 12-10-2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 – Chi nhánh 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty D, đăng ký giao dịch đảm bảo số 1229415484 ngày 31-10-2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (lãi và gốc) từ ngày 15-10-2016; toàn bộ khoản nợ vay của Công ty D đã chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 15-10-2016.

Mặc dù Ngân hàng C1 đã nhiều lần yêu cầu bên vay, bên bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, các bên có cam kết nhưng vẫn không thực hiện.

Tính đến hết ngày 15-8-2023, Công ty D còn nợ Ngân hàng C1 30.215.628.566 đồng, trong đó nợ gốc 14.725.116.785 đồng; nợ lãi 10.807.243.325 đồng và lãi phạt 4.683.268.456 đồng.

Ngân hàng C1 yêu cầu **Công ty D**:

- Trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 16.69.0105/2016-HĐTDHM/NHCT922-THIENSON ngày 01-6-2016 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 15-8-2023 là 30.215.628.566 đồng.

- Trả nợ lãi phát sinh thêm từ ngày 16-8-2023 đến khi **Công ty D** thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngày 01-6-2016.

- Trường hợp **Công ty D** không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ, **Ngân hàng C1** được quyền đề nghị phát mại các tài sản **Công ty D** đã thế chấp cho **Ngân hàng C1** để thu hồi nợ.

- Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ và thanh toán các chi phí liên quan thì **Công ty D** vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng C1**.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho **Công ty TNHH D** và **Công ty TNHH I** (tại địa chỉ trụ sở chính công ty và tại địa chỉ người đại diện theo pháp luật của công ty) các văn bản tố tụng: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hoà giải theo quy định tại các Điều 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng đại diện **Công ty D** và đại diện **Công ty I** không đến làm việc và hoà giải nên không ghi nhận được ý kiến của hai công ty. Ngày 15-8-2023, Toà án lập biên bản về việc không tiến hành hoà giải được do đại diện **Công ty D** và đại diện **Công ty I** đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia hoà giải nhưng vắng mặt không lý do, người đại diện của nguyên đơn có đơn yêu cầu Toà án không tiến hành hoà giải.

Tại phiên toà:

Đại diện **Ngân hàng C1**, ông **Nguyễn Tấn Đ**, ông **Đỗ Hồng T**, bà **Huỳnh Thị Kim C** vẫn giữ nguyên quan điểm như trên và bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 26-9-2023, cụ thể: **Công ty D** còn nợ **Ngân hàng C1** theo Hợp đồng tín dụng số 16.69.0105/2016-HĐTDHM/NHCT922-THIENSON ngày 01-6-2016 là: Nợ gốc 14.725.116.785 đồng ; nợ tiền lãi trong hạn 10.987.626.006 đồng; nợ tiền lãi quá hạn 4.773.459.760 đồng. Tổng cộng 30.486.202.551 đồng (bảng tính lãi chi tiết ngày 26-9-2023 đã nộp tại phiên toà).

Ngân hàng C1 yêu cầu **Công ty D** trả ngay một lần số tiền 30.486.202.551 đồng. Tiền lãi được tiếp tục tính từ ngày 27-9-2023 trên dư nợ vốn tương ứng đến ngày thực trả hết nợ vốn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 16.69.0105/2016-HĐTDHM/NHCT922-THIENSON ngày 01-6-2016.

Thủ tục thế chấp tài sản và thế chấp quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 14.69.0062/HĐTC ngày 04-8-2014 và Hợp đồng thế chấp số 16.100.0112/HĐTC ngày 12-10-2016, **Ngân hàng C1** đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Hiện tại các tài sản thế chấp theo ngân hàng biết chưa có trên thực tế, nhưng trong tương lai nếu có thì trường hợp **Công ty D** không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, **Ngân hàng C1** có quyền yêu cầu phát mại tài sản **Công ty D** đã thế chấp để thu hồi nợ.

Đại diện **Công ty D** vắng mặt.

Đại diện Công ty TNHH I - ông Phạm Lê Nguyên A và bà Phạm Thị Tuyết M trình bày:

Thông báo nhận tài sản bảo đảm kiêm thỏa thuận ngày 12-10-2016 do Ngân hàng C1 – Chi nhánh 6 gửi Công ty I, người ký xác nhận với ngân hàng là ông Nguyễn Đình T1 - Phó giám đốc Công ty I không được giám đốc Công ty I ủy quyền nhưng ông T1 đã ký đóng dấu tròn của Công ty I nên Công ty I có thừa nhận. Tuy nhiên hiện nay nghĩa vụ thanh toán tiền hàng của Công ty I cho Công ty D đã chấm dứt theo Hợp đồng mua bán năm 2016 ngày 04-01-2016, hợp đồng này đã hết hạn ngày 31-10-2016, do đó Công ty I không có bất cứ nghĩa vụ gì phải trả tiền cho Công ty D. Thời điểm này Ngân hàng không thể phát mại quyền đòi nợ chuyển giao, Công ty I không có nghĩa vụ gì với ngân hàng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/KDTM-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân Quận 10 đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C1.

Công ty TNHH D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 toàn bộ số tiền nợ vốn và tiền lãi tính đến ngày 26-9-2023 của Hợp đồng tín dụng số 16.69.0105/2016-HĐTDHM/NHCT922-THIENSON ngày 01-6-2016, tổng số tiền là 30.486.202.551 (ba mươi tỉ, bốn trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm lẻ hai nghìn, năm trăm năm mươi một) đồng, (trong đó: nợ gốc là 14.725.116.785 đồng, nợ lãi là 10.987.626.006 đồng, lãi quá hạn là 4.773.459.760 đồng).

Tiền lãi quá hạn còn tiếp tục tính từ ngày 27-9-2023 trên dư nợ vốn tương ứng đến ngày thực trả hết nợ vốn theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 16.69.0105/2016-HĐTDHM/NHCT922-THIENSON ngày 01-6-2016.

Trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện đúng thời hạn trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

- Toàn bộ được phẩm các loại và nguyên vật liệu liên quan thuộc sở hữu của Công ty TNHH D được giữ tại kho của khách hàng và của bên thứ ba được Công ty D gửi nhờ trong quá trình sản xuất kinh doanh; và Quyền tài sản (quyền đòi nợ, các quyền khác) của Công ty D đã phát sinh và sẽ phát sinh trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa và quyền tài sản số 14.69.0062/HĐTC ngày 04-8-2014 ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 – Chi nhánh 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH D, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh số đăng ký 1164764090 ngày 05-9-2014.

- Toàn bộ Quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty D đối với bên thứ ba có nghĩa vụ thanh toán với Công ty D là Công ty TNHH I phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty D (gồm (i) Tất cả các hợp đồng mua bán và các văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng này (nếu có) mà Công ty D đã ký với Công ty I; và/hoặc (ii) Các Hợp đồng (bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung) mà Công ty D sẽ ký với Công ty I sau thời điểm ký Hợp đồng này) theo Hợp đồng thế

chấp quyền tài sản số 16.100.0112/HĐTC ngày 12-10-2016 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 – Chi nhánh 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH D, đăng ký giao dịch đảm bảo số 1229415484 ngày 31-10-2016.

Nếu giá trị tài sản phát mãi không đủ thanh toán nợ thì Công ty TNHH D có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C1 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 11-10-2023, Toà án nhân dân Quận 10 nhận được đơn kháng cáo của Công ty I kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận kháng cáo của Công ty I, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn Công ty D vắng mặt.

Công ty I giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến Công ty TNHH I, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để làm rõ các tài liệu chứng cứ liên quan đến khoản nợ 2.650.403.362 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Tại phiên toà, công ty I xác định chỉ có ký kết 01 Hợp đồng mua bán năm 2016 ngày 04-01-2016 với công ty D và Hợp đồng này cũng đã hết hạn vào ngày 31-12-2016. Căn cứ Sổ chi tiết công nợ giữa công ty I và công ty D (từ ngày 01-01-2016 – 31-12-2016), tính đến ngày 14-10-2016, công ty I còn nợ công ty D số tiền 211.507.412 đồng, không phải số tiền 2.650.403.360 đồng như nêu tại Trang 2 của “Biên bản xác nhận công nợ ngày 12-10-2016”. Hơn nữa, tại biên bản bày, chỉ có dấu mộc đóng giáp lai của 01 bên công ty D trong khi biên bản xác nhận là do cả 02 bên lập. Do đó, công ty I nghi ngờ văn bản này và Thông báo nhận tài sản bảo đảm kiêm thỏa thuận ngày 12-10-2016 bị giả mạo để bị đơn công ty D hợp thức hóa số tiền vay từ Ngân hàng C1.

Ông Nguyễn Đình T1 - Phó giám đốc Công ty I (tại thời điểm ký kết các văn bản) xác định công ty I còn nợ của công ty D số tiền 211.507.412 đồng theo sổ sách kế toán báo cáo thuế. Cuối năm 2016 (không nhớ rõ ngày tháng), ông T2 (nhân viên công ty D) có qua công ty I nhờ ông T1 ký xác nhận công nợ còn lại như trên. Ông T1 khẳng định ông ký trên từng trang một, mỗi trang giấy chỉ in một mặt, số ngày tháng năm trên văn bản đánh máy sẵn (không ghi tay). Tuy nhiên, hiện nay công ty I cho biết, Ngân hàng C1 cung cấp cho Toà sơ thẩm bản photo “Biên bản xác nhận công nợ” ghi tay đề ngày 12-10-2016 giữa công ty D với ông Nguyễn Đình T1 thì trừ trang cuối ra do ông T1 ký và đóng dấu của

công ty I, còn lại trang trước nội dung không đúng trong văn bản lúc ông T1 ký, không có chữ ký của ông T1 trên từng trang và số công nợ 211.507.412 đồng đã bị thay đổi thành công nợ 2.650.403.362 đồng.

Cùng lúc ký “Biên bản xác nhận công nợ”, công ty D có kèm văn bản “thay đổi phương thức thanh toán qua ngân hàng” theo tài khoản Ngân hàng V - Chi nhánh 6 đối với công nợ còn lại là 211.599.926 đồng, ông T1 chỉ ký cam kết với Công ty D phương thức thanh toán số nợ còn lại nêu trên, không có quyền cam kết bất cứ gì trực tiếp với Ngân hàng. Ông T1 khẳng định ký trên từng trang một, mỗi trang giấy chỉ in một mặt, trong văn bản này chỉ có hai bên ký là công ty I và công ty D, không có trang nào kèm theo cho bên thứ 3 là ngân hàng V - Chi nhánh 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia đại diện ký. Tuy nhiên, Ngân hàng C1 cung cấp cho toà sơ thẩm văn bản “Thông báo nhận tài sản bảo đảm kiêm thỏa thuận” ghi tay ngày 12-10-2016 ký giữa Công ty D với ông Nguyễn Đình T1, trong đó có bên thứ ba là Ngân hàng ký đóng dấu, nội dung thông báo công ty D thế chấp quyền đòi nợ 2.650.403.362 đồng của Công ty I cho Ngân hàng.

Xét thấy, hai văn bản nêu trên theo công ty I có dấu hiệu bị sửa nội dung công nợ, toà cấp sơ thẩm chưa kiểm tra đối chiếu số công nợ, chứng từ thanh toán để xác định giá trị tài sản thế chấp.

Ngoài ra, căn cứ Biên bản tiếp nhận công khai chứng cứ do Toà án nhân dân Quận 10 lập ngày 15-8-2023 và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Toà án, toàn bộ là bản photocopy không có công chứng, chứng thực từ bản gốc; nhưng Toà án cấp sơ thẩm sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 93, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty I không công nhận tính hợp pháp của các tài liệu chứng cứ này vì có dấu hiệu giả mạo. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 79/2023/KDTM-ST ngày 26-9-2023, chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Quận 10 giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Tại phiên toà, các bên đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 16.69.0105/2016-HĐTDHM/NHCT922-THIENSON ngày 01-6-2016. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do đó Toà án nhân

dân Quận 10 xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH I có mặt tại phiên toà sơ thẩm ngày 26-9-2023, Đơn kháng cáo của Công ty I gửi đến Toà án cấp sơ thẩm ngày 11-10-2023 là còn trong thời hạn luật định và hợp lệ nên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Bị đơn Công ty TNHH D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Toà án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, Giấy triệu tập tham gia phiên toà nhưng bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Toà tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của Công ty TNHH I đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phát mại quyền đòi nợ luân chuyển của bị đơn với bên thứ ba có nghĩa vụ thanh toán là Công ty I; huỷ toàn bộ bản án do cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ các biên bản xác nhận công nợ, thông báo nhận tài sản bảo đảm kiêm thoả thuận 12-10-2016; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5] Ngày 12-10-2016, nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 16.100.0112/HĐTC, theo Điều 2 tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền đòi nợ luân chuyển của Công ty D đối với bên thứ ba có nghĩa vụ thanh toán với Công ty D là Công ty TNHH I phát sinh trong quá trình kinh doanh của Công ty D: gồm tất cả các hợp đồng mua bán và các văn bản sửa đổi, bổ sung các Hợp đồng này (nếu có) mà Công ty D đã ký với Công ty I; và/hoặc các Hợp đồng (bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung) mà Công ty D sẽ ký với Công ty I sau thời điểm ký Hợp đồng này; đăng ký giao dịch đảm bảo số 1229415484 ngày 31-10-2016. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp, các bên thống nhất định giá giá trị của tài sản thế chấp là 2.650.403.362 đồng trên cơ sở các hoá đơn bán hàng, biên bản xác nhận công nợ ngày 12-10-2016 giữa bị đơn và Công ty I Cùng ngày 12-10-2016, nguyên đơn gửi thông báo nhận tài sản bảo đảm kiêm thoả thuận cho Công ty I Co.

[6] Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Công ty I cung cấp cho Hội đồng xét xử sổ chi tiết công nợ từ ngày 01-01-2016 đến ngày 31-12-2016, biên bản đối chiếu công nợ giữa bị đơn và Công ty I tính đến ngày 31-3-2019 là 211.599.926 đồng, trong đó có phát sinh thêm Hoá đơn mua hàng số 0004864 ngày 27-10-2016 với số tiền 100.092.514 đồng. Đại diện bị đơn khẳng định biên bản xác nhận công nợ, thông báo nhận tài sản bảo đảm kiêm thoả thuận do Ngân hàng cung cấp là không đúng, thời điểm bị đơn ký thế chấp quyền đòi nợ Công ty I với Ngân hàng thì công ty I chỉ nợ bị đơn số tiền 211.507.412 đồng, hoàn toàn không có khoản nợ 2.650.403.362 đồng.

[7] Đồng thời, tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Đình T1 là người ký biên bản xác nhận công nợ, thông báo nhận tài sản bảo đảm kiêm thoả thuận với tư cách là Phó Giám đốc Công ty I khẳng định, ông T1 ký từng trang, mỗi trang

chỉ in một mặt, ngày tháng năm trên văn bản được đánh máy sẵn, trong khi các văn bản trên do nguyên đơn cung cấp khác với bản trước đây ông **T1** ký, các biên bản này không có chữ ký từng trang của ông **T1** và không đóng dấu giáp lai của **Công ty I Co.**

[8] Xét thấy, tại cấp phúc thẩm có phát sinh tình tiết mới là biên bản đối chiếu công nợ lập ngày 31-3-2019 do **Công ty I** nộp cũng như lời khai của ông **Nguyễn Đình T1** xác định các văn bản do Ngân hàng cung cấp có dấu hiệu bị thay thế, không phản ánh đúng bản chất các khoản công nợ giữa **công ty I** và bị đơn làm căn cứ phát sinh quyền, do đó cần huỷ bản án để cấp sơ thẩm xác minh đối chiếu các tài liệu chứng cứ nói trên, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[9] Ngoài ra, tại Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ do Toà án nhân dân Quận 10 lập ngày 15-8-2023 thể hiện bản xác nhận công nợ, thông báo nhận tài sản bảo đảm kiêm thoả thuận ngày 12-10-2016 do nguyên đơn nộp là bản phô tô không được công chứng, chứng thực theo quy định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **công ty I** không xác nhận tính hợp pháp của các tài liệu chứng cứ này như đã trình bày ở trên. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng Toà án cấp sơ thẩm sử dụng các tài liệu này làm chứng cứ để giải quyết vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 93, 95 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[10] Bản án cấp sơ thẩm tuyên **Ngân hàng TMCP C1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là *“toàn bộ được phẩm các loại và nguyên vật liệu liên quan thuộc sở hữu của **Công ty TNHH D** được giữ tại kho của khách hàng và của bên thứ 3 được **Công ty D** gửi nhờ trong quá trình sản xuất kinh doanh”*, xét thấy việc tuyên phát mại tài sản bảo đảm là hàng hoá luân chuyển như trên nhưng không xác định được địa chỉ, vị trí kho hàng... là chưa rõ cho quá trình thi hành án.

[11] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/KDTM-ST ngày 26-9-2023 và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân Quận 10 giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[13] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị huỷ nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của **Công ty TNHH I**

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 38; khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/KDTM-ST ngày 26-9-2023 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH I không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH I số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0035475 ngày 17-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 10;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Quỳnh Trâm

